

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thượng, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BIÊN BẢN

**Kết thúc niêm yết công bố công khai quyết toán ngân sách
xã Phú Thượng năm 2021**

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 00 ngày 25/8/2022 tại Trụ sở UBND xã Phú Thượng, chúng tôi gồm:

- 1- Bà: Hoàng Như Hoa - Chủ tịch UBND xã
- 2- Bà: Đỗ Thị Phượng - Cán bộ văn phòng UBND xã
- 3- Bà: Dương Thị Bộ - Kế toán ngân sách xã

Tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh công bố công khai ngân sách Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021.

Biên bản được lập thành 02 bản 01 bản lưu tại văn phòng HĐND-UBND, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Như Hoa

**NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM
LẬP BIÊN BẢN**

Đỗ Thị Phượng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/BB-UBND

Phú Thượng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

BIÊN BẢN

**Niêm yết công bố công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách
Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 ngày 20/7/2022 tại Trụ sở UBND xã Phú Thượng, chúng tôi gồm:

- 1- Ông: Lê Việt Bích - CT HĐND xã
- 2- Bà: Hoàng Như Hoa - Chủ tịch UBND xã
- 3- Bà: Chu Thị Thanh Thùy - Cán bộ văn phòng UBND xã
- 4- Bà: Dương Thị Bộ - Kế toán ngân sách xã

Tiến hành lập biên bản niêm yết công bố công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021.

Thời gian niêm yết 50 ngày từ ngày 24/7/2022 đến hết ngày 25/8/2022

Biên bản được lập thành 02 bản 01 bản lưu tại văn phòng HĐND-UBND, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Như Hoa

**NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM
NIÊM YẾT**

Chu Thị Thanh Thùy

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Việt Bích

Số: 494^a/QĐ-UBND

Phú Thượng, ngày 22 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THƯỢNG

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 3995/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao dự toán ngân sách huyện Võ Nhai năm 2022;
Căn cứ Nghị quyết số: 23/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Phú Thượng về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021

Xét đề nghị Bộ phận tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước xã Phú Thượng năm 2021, cụ thể như sau

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
I	Tổng thu ngân sách xã	8.397.278.004
1	Thu cân đối NS (Bao gồm thu tiền sử dụng đất)	447.392.480
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (Bao gồm)	6.866.018.550
2.1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.095.000.000
2.2	Bổ sung có mục tiêu	3.771.018.550
3	Thu chuyển nguồn	720.325.673
4	Thu kết dư NS năm trước sang	363.541.301
II	Tổng chi ngân sách xã	7.581.890.369
1	Chi thường xuyên	5.769.641.303
2	Chi đầu phát triển (XDCCB)	1.206.960.800
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	113.446.266



4	Chi chuyển giao ngân sách	491.842.000
III	Kết dư ngân sách	815.387.635

(Có các biểu 116;117;118;119;120 chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho Văn phòng UBND và Bộ phận tài chính xã thực hiện công khai quyết toán ngân sách Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021 theo đúng quy định

Điều 3. Các ông (bà) Văn phòng HĐND-UBND, kế toán ngân sách, trưởng các ban ngành đoàn thể và các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Đảng uỷ- HĐND (để b/c);
- KBNN Võ Nhai (để b/c);
- Phòng TC-KH huyện (để b/c);
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Hoàng Như Hoa



Phú Thượng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ PHÚ THƯỢNG NĂM 2021**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND xã Phú Thượng về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021;

UBND xã Phú Thượng, Bộ phận tài chính thuyết minh quyết toán ngân sách Nhà nước xã Phú Thượng năm 2021 như sau:

I / Một số đặc điểm:

Địa điểm trụ sở chính: xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0280.3627.152.

Trang thông tin điện tử <http://www.phuthuong.vonhai@thaingyen.gov.vn>.

Quá trình thành lập: Phú Thượng là một trong 15 đơn vị hành chính của huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên. Nhân dân các dân tộc xã Phú Thượng cần cù lao động, kiên cường trong đấu tranh và trong công cuộc đổi mới của đất nước. Ngay từ những năm 1930 Phú Thượng đã là cái nôi của phong trào cách mạng, năm 1937 chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Võ Nhai được thành lập tại xã Phú Thượng. Tại Sắc lệnh số 148-SL ngày 25/3/1948, Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà xã Phú Thượng được thành lập; Đầu năm 1953 Chi bộ Phú Thượng được thành lập. Qua quá trình thực tiễn cách mạng cùng với sự lớn mạnh về số lượng và chất lượng năm 1961 chi bộ đảng được phát triển lên thành Đảng bộ xã.

Những đặc điểm chính của địa phương: Phú Thượng là xã miền núi nằm ở phía Đông huyện Võ Nhai cách trung tâm Huyện 02 km và cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 39 km; Phía Bắc giáp xã Vũ Chấn và xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai; Phía Đông giáp xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Phía



Nam giáp xã Phương Giao và xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai; Phía Tây giáp thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Địa bàn có 01 tuyến giao thông quốc gia chạy qua với chiều dài 07km. Xã có diện tích tự nhiên là 5.792,54 ha, gồm: Đất nông nghiệp: 5.333,86 ha, Đất phi nông nghiệp: 196,27 ha, Đất chưa sử dụng: 262,41 ha. Mật độ dân cư: 80 người/km².

Dân số có 1.254 hộ với 5.250 khẩu, cư trú tại 10 xóm, xóm có ít hộ nhất là với 43 hộ, xóm nhiều hộ nhất là 202 hộ. Hầu hết đều là đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể như sau: dân tộc Nùng chiếm 41,03%; dân tộc Tày chiếm 25,83%; dân tộc Dao chiếm 20,11%; Dân tộc Kinh chiếm 12,59%; dân tộc Cao Lan chiếm 0,17%; dân tộc Mường chiếm 0,11%; dân tộc Sán Dìu chiếm 0,13%; dân tộc Thái và dân tộc Sán Chí chiếm

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy - HĐND - UBND xã và sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên, trong năm ngân sách 2021 là năm tiếp tục của thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện chủ trương đổi mới phát triển Kinh tế - Xã hội. Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Phú Thượng đã phấn đấu đầy mạnh phát triển kinh tế xã hội, từng bước xoá đói giảm nghèo, giáo dục, y tế được đầu tư phát triển, xã hội ổn định quốc phòng an ninh được giữ vững, phấn đấu thu các chỉ tiêu thu cân đối, thực hiện chi ngân sách theo đúng luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện đáp ứng cơ bản nhu cầu chi cần thiết để đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của xã cũng như các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm.

II. Tình hình ngân sách và tài chính của xã:

1. Phần quyết toán thu:

Tổng thu ngân sách năm 2021: Kết quả thực hiện: 9.016.460.052đ đạt 108,6% KH giao

Trong đó:

1.1 Thu cân đối NS: Thực hiện: 447.392.480đ đạt 363,7 % Kế hoạch gồm các chỉ tiêu sau: (Dự toán bao gồm cả thu tiền sử dụng đất).

1.2 Chi tiết các chỉ tiêu thu

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ %
I	<u>Thu cân đối ngân sách</u>	123.000.000	447.392.480	363,7
1	Phí, lệ phí	25.000.000	31.761.000	127
2	Thu khác NS	10.000.000	15.365.000	153,6
3	Phí môn bài thu từ cá nhân, hộ KD	16.000.000	13.100.000	81,9
4	Thuế sử dụng đất NN thu từ hộ gia đình	0	0	0
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.725.275	129,7

6	Lệ phí trước bạ	20.000.000	34.510.118	172,5
7	Thu khác NQD		4.460.072	
8	Thuế GTGT	50.000.000	38.652.240	77
9	Thu tiền sử dụng đất	0	306.818.775	0

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.866.018.550đ gồm có

- Bổ sung cân đối: 3.095.000.000đ
- Bổ sung có mục tiêu: 3.771.018.550đ

1.3. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang : 720.325.673đ gồm có

+ Nguồn cải cách tiền lương năm 2019 chuyển sang năm 2020 (tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2021 để thực hiện): 23.186.800đ

+ Kinh phí thực hiện chính sách theo NĐ 26/2015/NĐ-CP: 69.622.000đ

+ 70% nguồn tăng thu năm 2020 chuyển sang năm 2021 thực hiện cải cách tiền lương: 11.370.873đ

+ 50% tăng thu dự toán năm 2020 so với dự toán năm 2017: 10.500.000đ

+ Kinh phí công trình: Hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung của HTX dịch vụ lâm nghiệp và môi trường Ba Nhất: 217.350.000đ

+ Kinh phí công trình: Cầu tràn Nà Ấu xóm Mỏ Gà xã Phú Thượng: 348.431.000đ

+ Kinh phí công trình: Đường điện chiếu sáng công cộng khu dân cư Phụng Hoàng, Cao Lầm xã Phú Thượng: 119.000.000đ

1.4. Thu kết dư NS năm trước: 363.541.301đ là KP chi thường xuyên còn tồn lại của các chương và kinh phí ngân sách cấp trên cấp chưa thực hiện được trong năm ngân sách.

2. Phần quyết toán chi:

Tổng chi ngân sách kết quả thực hiện: 7.581.890.369 đạt 97,9 % kế hoạch.
Bao gồm:

2.1. Chi thường xuyên:

- Kế hoạch giao đầu năm: 4.562.000.000đ Bao gồm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và kinh phí chi hoạt động trong năm trong đó chi sự nghiệp KT 25.000.000đ, Thủy lợi phí 30.000.000đ,

- Thực hiện hết năm 2021: 6.374.929.569 đạt 97,9 % kế hoạch

* Đánh giá chung: Việc thực hiện chi ngân sách năm 2021 đúng luật ngân sách Nhà nước, công tác chi thường xuyên phục vụ tích cực cho hoạt động của địa phương.

2.2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản

- Kế hoạch: 1.206.960.800đ

- Thực hiện: 1.206.960.800đ đạt 100% Kế hoạch



2.3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: Thực hiện theo luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện, quy định một số khoản chi thuộc nhiệm vụ chi ngân sách năm trước trong năm chưa thực hiện được không đủ điều kiện thanh toán được phép chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện chi.

Tổng kinh phí chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 là: **113.446.266đ.**

Trong đó:

+ Nguồn cải cách tiền lương năm 2020 chuyển sang năm 2021 (tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2022 để thực hiện): 23.186.800đ

+ Tiếp tục chuyển nguồn cải cách tiền lương chưa phân bổ năm 2021: 12.357.873đ

+ Trích 70% tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: 12.301.593đ

+ Kinh phí phòng chống dịch Covid-19: 65.600.000đ

2.4. Chi nguồn dự phòng ngân sách năm 2021: 88.000.000đ (Phân bổ kinh phí phòng chống dịch Covid-19 và kinh phí phòng chống viêm da nổi cục trên đàn gia súc gia cầm)

2.5 Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 491.842.000đ gồm

- Các khoản hết nhiệm vụ chi năm trước

3. Quyết toán nguồn chi đầu tư XDCB cơ bản nguồn vốn ngân sách trung ương ngân sách tỉnh số tiền: 1.206.960.800đ

- Vốn CTMT quốc gia XD NTM: 743.608.800đ

- Nguồn ngân sách tỉnh: 171.260.000đ

- Nguồn vốn từ năm trước chuyển nguồn sang: 292.092.000đ

4. Đánh giá tình hình tiết kiệm chi 10% chi thường xuyên: Năm 2021 tiết kiệm 10% chi thường xuyên giảm trừ trong dự toán.

5. Nguồn cải cách tiền lương: (Từ nguồn 50 % vượt thu năm 2019, 70% tăng thu so với dự toán năm 2020, 50% tăng thu dự toán 2020 so với dự toán 2017): Đã phân bổ vào nguồn cải cách tiền lương năm 2020 và chuyển nguồn sang năm 2021 tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2022: 23.186.800đ.

- 70% tăng thu năm 2021 tạo nguồn cải cách tiền lương: 12.301.593đ

6. Một số nội dung khác:

6.1. Tăng thu ngân sách năm 2021: 17.573.705đ

- 70% nguồn tăng thu năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 thực hiện cải cách tiền lương: 12.301.593đ

- Trích 30% còn lại để thực hiện các hoạt động sửa chữa của UBND: 5.272.112đ

5.5. Kết dư ngân sách năm 2021: 815.387.635đ

Trong đó:

- 30% tăng thu dự toán năm 2021 so với dự toán giao đầu năm 2021 để thực hiện các hoạt động sửa chữa UBND: 5.272.112đ
 - Nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo NĐ 26/2015/NĐ-CP: 14.942.200đ
 - Kinh phí điều tiết từ thu cấp quyền sử dụng đất năm 2020 chuyển sang năm 2021: 199.046.000đ
 - Kinh phí điều tiết cấp quyền sử dụng đất năm 2020: 306.652.240đ
 - Kinh phí dự án trồng cây cảnh quan trên địa bàn xã Phú Thượng: 178.780.000đ
 - Kinh phí bổ sung mua máy tính bảng: 13.000.000đ
 - Kinh phí phân loại hành chính: 52.000.000đ
 - Kinh phí hoạt động của UBND: 45.695.083đ
- Trên đây là thuyết minh quyết toán năm 2021 của UBND xã Phú Thượng kính mong cơ quan chuyên môn cấp trên xem xét theo quy định./.

Nơi nhận :

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy-HĐND xã ;
- Lưu: VP, KT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Như Hoa



CẢN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	8.397.278.004	Tổng số chi	7.581.890.369
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	47.126.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.206.960.800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	400.266.480	II. Chi thường xuyên	5.769.641.303
III. Thu bổ sung	6.866.018.550	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	113.446.266
- Bổ sung cân đối	3.095.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	491.842.000
- Bổ sung có mục tiêu	3.771.018.550		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	363.541.301		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	720.325.673		
Kết dư ngân sách	815.387.635		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	I	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	350.000.000	4.562.000.000	9.016.460.052	8.397.278.004	2.576,13	184,07
I	Các khoản thu 100%	35.000.000	35.000.000	47.126.000	47.126.000	134,65	134,65
1	Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	31.761.000	31.761.000	127,04	127,04
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	10.000.000	10.000.000	15.365.000	15.365.000	153,65	153,65
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	315.000.000	88.000.000	1.019.448.528	400.266.480	323,63	454,85
1	Các khoản thu phân chia	59.000.000	38.000.000	86.013.463	50.335.393	145,79	132,46
1.1	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	2.000.000	3.893.250	2.725.275	129,78	136,26
1.2	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	16.000.000	16.000.000	13.100.000	13.100.000	81,88	81,88
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40.000.000	20.000.000	69.020.213	34.510.118	172,55	172,55
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	256.000.000	50.000.000	933.435.065	349.931.087	364,62	699,86
	Tăng Thu						
2.1	Thu tiền sử dụng đất			681.819.500	306.818.775		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	100.000.000	50.000.000	77.304.465	38.652.240	77,30	77,30
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	156.000.000		169.832.660		108,87	
2.7	Thu khác ngoài QĐ			4.478.440	4.460.072		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A							
IV	Thu chuyển nguồn			720.325.673	720.325.673		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			363.541.301	363.541.301		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.439.000.000	6.866.018.550	6.866.018.550		154,67
1	Thu bổ sung cân đối		3.095.000.000	3.095.000.000	3.095.000.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.344.000.000	3.771.018.550	3.771.018.550		280,58



UBND Xã: Phú Thưởng

Biểu số 118/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	7.233.014	743.609	6.489.405	7.581.890	1.206.961	6.374.930	104,82	162,31	98,24
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	659.450		659.450	586.145		586.145	88,86		88,86
	Chi dân quân tự vệ	415.450		415.450	371.315		371.315	89,38		89,38
	Chi trật tự an toàn xã hội	244.000		244.000	214.830		214.830	88,05		88,05
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	20.000		20.000	18.415		18.415	92,08		92,08
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	14.000		14.000	48.000		48.000	342,86		342,86
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	796.609	743.609	53.000	1.154.185	1.087.961	66.224	144,89	146,31	124,95
	Giao thông	743.609	743.609		914.869	914.869		123,03	123,03	
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	30.000		30.000	221.866	173.092	48.774	739,55		162,58
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác	23.000		23.000	17.450		17.450	75,87		75,87
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.052.789		5.052.789	5.169.858	119.000	5.050.858	102,32		99,96
	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
	Trong đó: Quỹ lương				2.712.539		2.712.539			
	Quan lý Nhà nước	3.624.005		3.624.005	3.833.555	119.000	3.714.555	105,78		102,50
	Đảng Công sản Việt Nam	548.872		548.872	548.872		548.872	100,00		100,00
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	265.612		265.612	260.795		260.795	98,19		98,19

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	136.100		136.100	102.928		102.928	75,63		75,63
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	126.500		126.500	124.593		124.593	98,49		98,49
	Hội Cựu chiến binh	146.800		146.800	104.126		104.126	70,93		70,93
	Hội Nông dân	129.800		129.800	122.049		122.049	94,03		94,03
	Khuyến học	19.100		19.100	19.092		19.092	99,96		99,96
	Hội Chữ thập đỏ	28.000		28.000	29.094		29.094	103,91		103,91
	Hội người cao tuổi	28.000		28.000	24.754		24.754	88,41		88,41
10	Chi cho công tác xã hội									
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
11	Chi Đầu tư									
	Chi khác									
12	Dự phòng	88.000		88.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	110.324		110.324	113.446		113.446	102,83		102,83
	Nộp trả ngân sách cấp trên	491.842		491.842	491.842		491.842	100,00		100,00